ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10 **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 977/GDĐT Về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.	*Quận 10, ngày 19 tháng 11 năm 2020*

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường tiểu học.

Căn cứ công văn số 3863/GDĐT-TH ngày 18/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT;

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT (Thông tư 27) như sau:

1. Lộ trình thực hiện

Thực hiện theo lộ trình đánh giá học sinh tiểu học được quy định tại Điều 2, Thông tư 27.

2. Đánh giá thường xuyên

- Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 27.

- Khuyến khích giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; kết hợp nhiều biện pháp đánh giá khác nhau, có giải pháp lưu giữ minh chứng để làm căn cứ đánh giá định kì, đặc biệt là quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

3. Đánh giá định kì

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 27.

4. Đề kiểm tra định kì

Căn cứ Điều 15, Khoản 2 Thông tư 27: hiệu trưởng chỉ đạo việc ra đề kiểm tra định kì và Điều 12, Khoản 2, Điểm c Thông tư 27: các tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cho các khối lớp. Tuy nhiên, để có sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo khuyến khích các trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: Đề kiểm tra do giáo viên dạy môn học biên soạn, sau đó nộp về tổ chuyên môn, tổ chuyên môn chọn lọc và thống nhất gửi cho ban giám hiệu từ hai đến ba đề (trừ trường hợp đặc biệt khi trường chỉ có 1 lớp/khối thì chỉ cần gửi 1 đề). Ban giám hiệu chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối.

Đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập.

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự.

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống.

Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

4.1. Đối với môn Tiếng Việt

4.1.1. Nội dung kiểm tra

- Nội dung kiểm tra ở mỗi kì kiểm tra cần được xác định rõ ràng. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1 vào cuối năm học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt đối với từng "chặng" (cuối học kì I và cuối năm học):

+ Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng - sai, nối,...) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của học sinh.

+ Tỉ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng học sinh.

+ Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, ví dụ Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 - 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học).

4.1.2. Ma trận đề kiểm tra

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; hình thức các câu hỏi; số lượng câu hỏi; số điểm dành cho các câu hỏi.

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; số thứ tự của câu hỏi trong đề; số điểm dành cho các câu hỏi.

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1.

4.1.3. Cấu trúc đề kiểm tra

4.1.3.1. Đề kiểm tra cuối học kì I gồm có các nội dung sau

- Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

+ Đọc thành tiếng các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần đã học.

+ Đọc tiếng và đọc từ kết hợp hiểu nghĩa từ có gợi ý bằng hình ảnh.

+ Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa có gợi ý bằng hình ảnh.

+ Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết được thông tin quan trọng trong đoạn.

- Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

+ Viết chữ cái, vần mới học.

+ Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới.

+ Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu.

+ Viết lại câu ngắn.

4.1.3.2. Đề kiểm tra cuối học kì II gồm có các nội dung sau

- Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

+ Đọc thành tiếng đoạn/bài ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết thông tin quan trọng trong đoạn/bài đọc.

+ Đọc hiểu đoạn/ bài ngắn.

- Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

+ Viết đúng từ ngữ theo quy tắc chính tả.

+ Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn.

+ Viết câu ngắn dựa trên gợi ý.

- Cụ thể:

a. Kiểm tra đọc (10 điểm)

- Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân) (6 điểm).

+ Mục tiêu: Nhằm kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kĩ năng nghe nói (học sinh trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc) ở học kì II lớp 1.

+ Cách tiến hành:

• Học sinh đọc một đoạn văn/bài ngắn (có dung lượng theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1) không có trong sách giáo khoa (do giáo viên lựa chọn và chuẩn bị trước, có thể làm thành phiếu thăm).

• Học sinh trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do GV nêu ra (có thể ghi sẵn trong phiếu thăm).

+ Cách đánh giá, cho điểm:

• Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc; phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm.

• Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 2 điểm.

• Âm lượng đọc vừa đủ nghe; tốc độ đọc đạt yêu cầu (40 – 60 tiếng/1 phút): 1 điểm.

• Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm.

• Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm.

- Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 4 điểm.

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1.

+ Cách đánh giá, cho điểm:

• Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nối…): 1 điểm.

• Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3): 1 điểm.

• Ma trận kiểm tra đọc hiểu: phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức: tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương. Chẳng hạn: Mức 1: khoảng 50%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 20%.

Ma trận câu hỏi kiểm tra đọc hiểu môn Tiếng Việt cuối năm lớp 1

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Đọc hiểu	Số câu	2 TN	1 TN	1 TL	4
	Câu số	Câu 1, 2	Câu 3	Câu 4	
	Số điểm	1	1	1	4

Một số chỉ dẫn biên soạn đề kiểm tra đọc hiểu theo ma trận:

- Bài đọc hiểu gồm 1 đoạn văn/bài ngắn. Tổng độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 – 70 chữ; thời gian đọc thầm/nhẩm khoảng 3-4 phút.

- Dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan dùng trong đề kiểm tra gồm: câu hỏi 3-4 phương án trả lời để học sinh chọn 1 phương án trả lời, câu hỏi yêu cầu điền ngắn (một từ hoặc cụm từ ngắn), nối cặp đôi,...

- Câu hỏi tự luận (câu hỏi mở) trong đề bài này là loại câu hỏi yêu cầu học sinh tự hình thành 1 câu trả lời đơn giản để: nêu ý kiến giải thích ngắn về một chi tiết trong đoạn/bài đọc, hoặc liên hệ đơn giản chi tiết trong bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống…

- Thời gian tính trung bình để học sinh làm một câu hỏi trắc nghiệm khách quan: khoảng 2-3 phút; làm một câu hỏi tự luận: khoảng 4-5 phút.

b. Bài kiểm tra viết (10 điểm)

- Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh) (6 điểm):

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kĩ năng viết chính tả của học sinh ở học kì II.

+ Nội dung kiểm tra: giáo viên đọc cho học sinh cả lớp viết (chính tả nghe - viết) một đoạn văn (hoặc thơ) có độ dài khoảng 30 - 35 chữ. Tùy theo

trình độ học sinh, giáo viên có thể cho học sinh chép một đoạn văn (đoạn thơ) với yêu cầu tương tự.

+ Thời gian kiểm tra: khoảng 15 phút.

+ Hướng dẫn chấm điểm chi tiết:

• Tốc độ đạt yêu cầu (30 - 35 chữ/15 phút): 2 điểm.

• Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ: 1 điểm.

• Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm (mắc 6 - 7 lỗi đạt 1 điểm).

• Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 1 điểm.

- Kiểm tra (làm bài tập) chính tả và câu (4 điểm):

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kĩ năng viết các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh; khả năng nhận biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi; bước đầu biết đặt câu đơn giản về người và vật xung quanh theo gợi ý.

+ Thời gian kiểm tra: 20 - 25 phút.

+ Nội dung kiểm tra và cách chấm điểm:

• Bài tập về chính tả âm vần (một số hiện tượng chính tả bao gồm: các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh): 2 điểm.

• Bài tập về câu (bài tập nối câu, dấu câu; hoặc bài tập viết câu đơn giản, trả lời câu hỏi về bản thân hoặc gia đình, trường học, cộng đồng,... về nội dung bức tranh/ảnh): 2 điểm.

Nội dung kiểm tra	Hướng dẫn cụ thể	Số điểm	Hướng dẫn chấm
(1) Bài tập về chính tả âm, vần	2 hiện tượng chính tả (khoảng 8 trường hợp)	2 điểm	Làm đúng 1 hiện tượng chính tả đạt 0,25 điểm
(2) Bài tập về câu	Nối ô chữ để tạo câu	1 điểm	Nối đúng 1 ô chữ đạt 0,25 điểm
	Viết câu đơn giản theo gợi ý	1 điểm	Viết câu đúng theo yêu cầu đạt 0,25 điểm

4.2. Đối với môn Toán

4.2.1. Nội dung kiểm tra

- Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Toán lớp 1 vào mỗi giai đoạn học kì I (54 tiết) hoặc khi hết năm học lớp 1 (105 tiết) được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Toán, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt trong đề kiểm tra.

+ Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức:

• Số học khoảng 80%: số tự nhiên (đếm, đọc viết các số trong phạm vi 100, so sánh các số trong phạm vi 100); các phép tính với số tự nhiên (phép cộng, phép trừ, tính nhẩm, thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ).

• Hình học và đo lường khoảng 20%: hình phẳng và hình khối (quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản, thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản); đo lường (biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng, thực hành đo đại lượng).

+ Tùy theo từng đơn vị có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, ví dụ Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 - 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học).

4.2.2. Ma trận kiểm tra

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi (Tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh hoạ môn Toán).

Mạch kiến thức	**Số câu**	**Mức 1**		**Mức 2**		**Mức 3**		**Tổng**	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học	Số câu	2	2	1	1		2	3	5
	Số điểm	*2*	*2*	*1*	*1*		*2*	*3*	*5*
Hình học và đo lường	Số câu		1		1				2
	Số điểm		*1*		*1*				*2*
Tổng	Số câu	2	3	1	2		2	3	7
	Số điểm	*2*	*3*	*1*	*2*		*2*	*3*	*7*

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; số thứ tự của câu hỏi trong đề; số điểm dành cho các câu hỏi (tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh hoạ môn Toán).

Chủ đề		**Mức 1**	**Mức 2**	**Mức 3**	**Tổng**
Số học	Số câu	4	2	2	8
	Câu số	*1, 3, 4, 5*	*6, 7*	*9, 10*	
Hình học và đo lường	Số câu	1	1		2
	Câu số	*2*	*8*		
Tổng		5	3	2	10

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về được quy định trong Chương trình môn Toán lớp 1 theo từng thời điểm kiểm tra.

- Bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10; điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn thành số nguyên không có phần thập phân theo nguyên tắc từ 0,5 trở lên làm tròn thành 1.

4.2.3. Cấu trúc đề kiểm tra

- Đề kiểm tra có 10 câu hỏi gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (đúng sai, điền khuyết, nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đối chiếu nối cặp,…) và các câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 1 điểm.

- Tỉ lệ các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 30%, tự luận 70%.

- Phần giải toán có lời văn thông qua các tình huống thực tế trong cuộc sống được tích hợp vào hai mạch kiến thức với mức độ khác nhau. Lưu ý đối với lớp 1 chỉ ở mức độ nhìn mô hình hoặc đọc đề bài để điền vào phép tính.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường triển khai đến từng giáo viên theo lộ trình triển khai Thông tư 27, nhằm bảo đảm thực hiện công tác đánh giá học sinh theo đúng hướng dẫn, có chất lượng, hiệu quả và không gây căng thẳng cho học sinh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẬN 10 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thành Văn